

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 85/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2023
V/v Tranh chấp về ly hôn và
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Huy Cường.
- Ông Nguyễn Trọng Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Đoàn Thị Yến T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Tạm trú: Ấp D, xã T1, huyện G, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20-02-2023, bản tự khai và các lần hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh và chị Đoàn Thị Yến T chung sống với nhau vào khoảng tháng 6-2011, có tìm hiểu trước khoảng 01 năm nên hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh vào ngày 25-8-2011. Ngày làm lễ cưới gia đình anh có cho chị T nữ trang gồm 01 sợi dây chuyền

02 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24K, 01 chiếc lắc tay 1,5 chỉ vàng 18K và 01 cặp nhẫn cưới 05 phân vàng 18K. Hiện số nữ trang này không còn do vợ chồng anh đã bán để lo chi phí sinh hoạt trong gia đình. Sau khi cưới vợ chồng anh về nhà của cha mẹ anh tại: Ấp C, xã A, huyện B sinh sống và làm ăn.

Vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 11-2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chung sống không hạnh phúc và thường hay xảy ra cãi nhau về việc kinh tế trong gia đình khó khăn. Chị T đi làm công nhân tại Khu công nghiệp P và khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra vào khoảng cuối năm 2021, chị T sợ đi làm về nhà lây bệnh cho con nên chị T có xin ở lại nhà của cha mẹ chị T tại: Ấp D, xã T1, huyện G, tỉnh Tây Ninh để đi làm. Nhưng sau khi hết dịch bệnh mà chị T không chịu về nhà chung sống với anh nên anh đã nhiều lần liên lạc điện thoại cho chị T cũng như đã đến nhà của cha mẹ vợ để năn nỉ chị T về chung sống lại với anh nhưng chị T không đồng ý. Cho đến khoảng tháng 02-2022 do khuyên chị T không được nữa nên vợ chồng anh không liên lạc và không gặp mặt nhau để bàn bạc việc đoàn tụ gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn và không thể hàn gắn được nữa nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh chung sống có 02 người con chung tên là Nguyễn Đoàn Gia H1, sinh ngày 20-3-2012 và Nguyễn Đoàn Anh T2, sinh ngày 10-8-2014. Hiện 02 con đang sống với anh nên anh yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con và anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Đoàn Thị Yến T: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T để thu thập chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị T không đến nên không có ý kiến bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên ông Lương Bá Xanh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự (trừ bị đơn), kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị T; về con chung: Giao cháu Nguyễn Đoàn Gia H1, sinh ngày 20-3-2012 và cháu Nguyễn Đoàn Anh T2, sinh ngày 10-8-2014 cho anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Anh H khai không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Vì

vậy, vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh H và chị T chung sống với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B. Do đó, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, nay anh H có yêu cầu ly hôn, Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của anh H thì thấy: Mâu thuẫn của anh chị chủ yếu phát sinh từ việc bất đồng ý kiến về việc kinh tế trong gia đình khó khăn. Khi dịch bệnh Covid-19 xảy ra thì chị T ở nhà cha mẹ ruột để đi làm cho đến khi hết dịch bệnh mà chị T vẫn không về chung sống với anh H. Nhiều lần anh H đã liên lạc điện thoại và đến nhà của chị T để nói chuyện về việc chung sống lại với nhau nhưng chị T vẫn không đồng ý. Vì vậy, kể từ khoảng tháng 02-2022 anh chị không liên lạc cũng như không gặp mặt nhau để bàn bạc bàn việc đoàn tụ gia đình. Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị nhưng chị T lại không đến, chứng tỏ chị T đã bỏ mặc đến tình cảm của vợ chồng và không có thiện chí muốn được đoàn tụ gia đình với anh H. Xét thấy, hôn nhân của anh H và chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là có căn cứ và phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên là Nguyễn Đoàn Gia H1, sinh ngày 20-3-2012 và Nguyễn Đoàn Anh T2, sinh ngày 10-8-2014 nên anh H yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 02 con.

Xét thấy, hiện cháu H1 và cháu T2 đang sống với anh H và qua xem xét ý kiến thì 02 cháu có nguyện vọng được sống với anh H. Vì vậy, để đảm bảo về sự phát triển bình thường và không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của 02 cháu nên Hội đồng xét xử cần giao cháu H1 và cháu T2 cho anh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H đối với chị Đoàn Thị Yến T. Anh H được ly hôn với chị T.

2. Về con chung: Giao cho anh H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Đoàn Gia H1, sinh ngày 20-3-2012 và cháu Nguyễn Đoàn Anh T2, sinh ngày 10-8-2014. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0025465 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận anh H đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện G;
- CC.THADS huyện G;
- UBND xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh